

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2022 ĐẾN 30/06/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	8 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo và đã được Ban quản trị phê duyệt.

BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty bao gồm: Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Bà Phạm Thị Thanh Mai	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/11/2022
		Miễn nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Trịnh Văn Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/09/2022
		Miễn nhiệm ngày 11/11/2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2022
		Miễn nhiệm ngày 09/10/2023
Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/08/2022
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/09/2022
		Bổ nhiệm ngày 16/08/2022
		Miễn nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Chu Tiến Vượng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/04/2022
		Miễn nhiệm ngày 16/08/2022
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/04/2022
Ông Nguyễn Thành Lê	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/10/2023
Ông Nguyễn Thanh Cẩm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022
Ông Lê Bá Nguyễn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/07/2023
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	Chấm dứt hợp đồng lao động ngày 13/01/2023
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Chấm dứt hợp đồng lao động ngày 16/08/2022

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đăng Vụ	Thành viên	
Bà Bùi Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2022
Bà Phan Thị Bích Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022

Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04/10/2023
Bà Nguyễn Thị Thùy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/09/2023
		Miễn nhiệm ngày 04/10/2023
Nguyễn Thị Bích Hằng	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 27/06/2023
		Miễn nhiệm ngày 05/09/2023
Bà Trần Thị Lan	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22/06/2023

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Lê Thị Trúc Quỳnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÁC SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Quản Trị Công ty khẳng định rằng, ngoài thông tin đã nêu tại Thuyết minh số 38, 39, 40 Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản Trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Ban Quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Quản Trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Quản Trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Quản Trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Quản Trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)

CAM KẾT KHÁC

Ban Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Quản trị 



Lê Thị Trúc Quỳnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Số: 08/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS
cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/01/2024, từ trang 8 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Quản trị

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

iểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2022, trong số dư khoản phải thu khác, có bao gồm khoản đặt cọc còn lại mua cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Unicap với giá trị 63,5 tỷ đồng từ năm trước chuyển sang. Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") và Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này chưa có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 mà không phân tách số cần trích lập dự phòng cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022. Đến thời điểm phát hành báo cáo này chúng tôi không thực hiện được việc xác nhận số dư đối với khoản đặt cọc này và cũng không thu thập được xác nhận sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp liên quan của các đối tượng nhận đặt cọc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của số dư nêu trên tại 01/01/2022 và 30/06/2022 cũng như không đánh giá được việc thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản phải thu này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có hợp lý hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 30/06/2022, trong số dư khoản cho vay, có bao gồm khoản cho vay ký quỹ mã chứng khoán GAB với giá trị là 114.411.857.455 đồng. ĐHDCĐ và HĐQT đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này chưa có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 mà không phân tách số cần trích lập dự phòng cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ với các đối tượng liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu khoản cho vay này tại 01/01/2022 và 30/06/2022 cũng như không đánh giá được việc thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản cho vay này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có hợp lý hay không.

Tại ngày 30/06/2022, trong số dư khoản phải thu khác, có bao gồm khoản tài sản thiếu chờ xử lý là 467.155.415.291 đồng. Theo Ban Quản trị đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự động thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. ĐHDCĐ và HĐQT đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này chưa có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được tài liệu liên quan đến giao dịch cũng như quá trình hình thành số dư của khoản phải thu này. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của giao dịch cũng như số dư của khoản mục này.

Tại ngày 30/06/2022, Công ty đánh giá lại/trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES và Công ty CP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding (đầu tư từ các năm trước). Công ty đã đánh giá khoản tổn thất đầu tư và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị tương ứng 209,599 tỷ đồng vào Báo cáo tài chính. Tuy nhiên chúng tôi không xác định được giá trị khoản tổn thất nêu trên thực tế phát sinh vào thời điểm nào nên không xác định được việc ghi nhận khoản tổn thất trên vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 có phù hợp hay không.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu môi giới, lãi cho vay giao dịch ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán, phí lưu ký liên quan với các doanh nghiệp mà các người đại diện pháp luật là các đối tượng bị khởi tố vụ án và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án khoảng trên 10 tỷ đồng. Trong các kỳ trước, cũng có thể có các khoản doanh thu môi giới, lãi cho vay giao dịch ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán, phí lưu ký liên quan đến vụ việc nêu trên. Hiện nay, chưa có kết luận chính thức của cơ quan điều tra nên Công ty chưa có cơ sở để xác định được giai đoạn, thời điểm và giá trị doanh thu liên quan đến vụ việc thao túng chứng khoán nêu trên nên không có cơ sở xử lý. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phán quyết, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh theo các phán quyết có liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của các khoản này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Liên quan đến Vụ án thao túng thị trường chứng khoán và lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan ("*Vụ án thao túng thị trường chứng khoán*"), một số cá nhân lãnh đạo Công ty đã bị cơ quan điều tra Bộ Công An ra quyết định khởi tố bắt tạm giam để thực hiện điều tra Vụ án thao túng thị trường chứng khoán. Cho đến thời điểm hiện nay, cơ quan Cảnh sát điều tra và các cơ quan tố tụng vẫn đang trong quá trình giải quyết vụ án và chưa có phán quyết cuối cùng. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng: việc khởi tố các cá nhân nêu trên chỉ liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân trong quá trình thực hiện công việc của Công ty.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Vụ án vẫn đang trong quá trình giải quyết và chưa có phán xét cuối cùng. Ban Quản trị chưa có cơ sở để thực hiện các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến vụ việc nêu trên.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 và thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Tại ngày 30/06/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 634.532.360.501 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty có một số sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán dẫn đến việc liên quan tới sự thu hẹp hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay và trong thời gian tới. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường và tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ. Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22/03/2022 theo báo cáo kiểm toán số 1705.01.03/2021/BCTC-NVT2.

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác và đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 12/08/2021 theo báo cáo soát xét số 1705.01.01/2021/BCTC-NVT2.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.577.318.620	1.134.129.391.528
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		291.923.521.926	1.101.238.632.435
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	91.392.944.515	18.444.802.595
<i>Tiền</i>	111.1		91.392.944.515	18.444.802.595
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	9.964.486.583	356.285.099.350
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	474.140.000.000
Các khoản cho vay	114	8	122.747.805.839	181.265.735.779
Các khoản phải thu	117	10	76.585.475	3.057.648.505
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	117.2		76.585.475	3.057.648.505
Trả trước cho người bán	118	10	3.304.089.500	3.866.187.700
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	29.317.406.013	29.305.529.105
Các khoản phải thu khác	122	10	531.384.754.278	63.982.764.387
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(496.264.550.277)	(29.109.134.986)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		35.653.796.694	32.890.759.093
Tạm ứng	131		214.600.000	290.746.700
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	457.476.475	574.852.393
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	32.025.160.000	32.025.160.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		2.956.560.219	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.596.441.937	37.365.763.928
Tài sản cố định	220		9.347.197.752	11.485.446.711
Tài sản cố định hữu hình	221	16	2.378.791.816	2.733.218.315
- Nguyên giá	222		17.685.357.475	17.134.165.075
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(15.306.565.659)	(14.400.946.760)
Tài sản cố định vô hình	227	14	6.968.405.936	8.752.228.396
- Nguyên giá	228		25.014.519.948	25.014.519.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(18.046.114.012)	(16.262.291.552)
Tài sản dài hạn khác	250		27.249.244.185	25.880.317.217
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	23.052.953	39.718.859
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	17.175.246.557	15.799.671.515
Tài sản dài hạn khác	255	17	10.050.944.675	10.040.926.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		364.173.760.557	1.171.495.155.456

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.930.942.460	13.982.363.301
Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.930.942.460	13.982.363.301
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	1.142.308.322	2.463.469.277
Phải trả người bán ngắn hạn	320		557.433.409	531.400.038
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		477.500.000	653.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	178.715.696	3.947.952.315
Phải trả người lao động	323		811.056.527	1.585.802.154
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		49.387.795	106.968.215
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		77.250.000	793.730.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	20	276.091.092	276.091.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.361.199.619	3.623.200.210
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.242.818.097	1.157.512.792.155
Vốn chủ sở hữu	410	21	357.242.818.097	1.157.512.792.155
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969.530.383.997	969.530.383.997
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969.225.090.000	969.225.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969.225.090.000	969.225.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219.330.000)	(219.330.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.263.566.694	11.263.566.694
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		257.016.956	774.230.438
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(634.532.360.501)	165.220.400.075
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(347.248.915.884)	105.847.323.025
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(287.283.444.617)	59.373.077.050
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		364.173.760.557	1.171.495.155.456



Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu



Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		96.922.509	96.922.509
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22	20.907.490.000	20.249.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	81.110.820.000	81.110.000.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24	49.050.000.000	49.050.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	25	1.335.588.050.000	1.369.834.010.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		373.426.330.000	1.345.602.750.000
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		1.406.000.000	-
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		8.000.000.000	8.000.000.000
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		947.583.720.000	2.372.770.000
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		5.172.000.000	13.858.490.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	26	32.315.290.000	32.282.740.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		32.315.290.000	32.282.740.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	27	1.738.190.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	28	36.822.135.964	136.725.718.998
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		30.321.079.161	136.584.859.650
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		6.501.056.803	140.859.348
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		6.501.056.803	140.859.348
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	29	36.821.899.102	136.579.413.011
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		36.821.899.102	136.579.413.011
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	144.982.000
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		1.987.000	11.000




Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu




Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng






Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.197.029	5.205.758.998
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	35	-	600.000.000
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		1.182.900	4.605.719.400
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	30	1.014.129	39.598
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	30	3.455.408.605	7.754.519.614
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	30	8.560.929.777	16.362.602.066
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		14.831.545.273	14.384.209.335
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		389.189.733	327.126.550
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		735.227.272	145.000.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		27.974.497.689	44.179.216.563
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		346.657.704.567	28.524.069.240
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	35	-	4.550.000.000
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		346.657.704.567	23.974.069.240
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	31	6.844.122.703	6.537.270.936
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	31	381.006.267	294.459.534
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	31	463.615.240	415.803.216
Cộng chi phí hoạt động	40		354.346.448.777	35.771.602.926
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	32	101.420.940	37.874.152
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		101.420.940	37.874.152
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	33	6.326.815.137	6.332.745.483
Kết quả hoạt động	70		(332.597.345.285)	2.112.742.306
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		-	36.370.000
Chi phí khác	72		467.155.415.291	213.244.500
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(467.155.415.291)	(176.874.500)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(799.752.760.576)	1.935.867.806
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(453.096.238.909)	21.304.217.646
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(346.656.521.667)	(19.368.349.840)
Chi phí thuế TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(799.752.760.576)	1.935.867.806
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(8.251)	220
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		(8.251)	220


Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu


Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng


Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022


Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(146.708.951.949)	(937.309.245.089)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		222.122.965.537	837.272.104.856
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(1.375.575.042)	(1.292.315.358)
Cổ tức đã nhận	04		1.014.129	39.598
Tiền lãi đã thu	05		15.005.634.058	32.321.210.092
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(7.221.513.645)	(6.561.500.657)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(5.719.758.220)	(4.361.542.595)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(8.894.102.174)	(2.361.673.332)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		13.787.575.561	14.917.485.694
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(7.557.730.135)	(28.528.365.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.439.558.120	(95.903.802.435)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(491.416.200)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty	23		-	(501.240.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		-	329.300.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(491.416.200)	(171.940.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		72.948.141.920	(267.843.802.435)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		18.444.802.595	269.857.162.386
Tiền	61		18.444.802.595	269.857.162.386
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	5	91.392.944.515	2.013.359.951


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		769.385.672.176	983.137.304.772
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(7.976.499.648.667)	(7.200.420.629.171)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		7.107.270.501.117	6.244.925.583.266
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(60.107.660)	(284.746.177)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(99.903.583.034)	27.357.512.690
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		136.725.718.998	42.898.337.420
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		136.725.718.998	42.898.337.420
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		136.584.859.650	42.366.453.854
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		140.859.348	531.883.566
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		36.822.135.964	70.255.850.110
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		36.822.135.964	70.255.850.110
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		30.321.079.161	70.243.640.755
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		6.501.056.803	12.209.355


Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu


Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng


Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2021		Kỳ trước		Tại 30/06/2021	
	VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	969.530.383.997	969.530.383.997	-	-	969.530.383.997	969.530.383.997
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	969.225.090.000	969.225.090.000	-	-	969.225.090.000	969.225.090.000
- Thành dư vốn cổ phần	(219.330.000)	(219.330.000)	-	-	(219.330.000)	(219.330.000)
- Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997	524.623.997	-	-	524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.724.210.951	10.724.210.951	-	-	10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.263.566.694	11.263.566.694	-	-	11.263.566.694	11.263.566.694
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.349.230.439	774.230.438	-	240.000.000	1.109.230.439	257.016.956
Lợi nhuận chưa phân phối	131.329.524.138	165.220.400.075	21.304.217.646	19.368.349.840	133.265.391.944	(634.532.360.501)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	58.245.728.628	105.847.323.025	21.304.217.646	-	79.549.946.274	(347.248.915.884)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	73.083.795.510	59.373.077.050	-	19.368.349.840	53.715.445.670	(287.283.444.617)
Cộng	1.124.196.916.219	1.157.512.792.155	21.304.217.646	19.608.349.840	1.125.892.784.025	357.242.818.097

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu

Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03 tháng 03 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102669368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2023. Vốn điều lệ của Công ty là 969.225.090.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 45 người (tại ngày 01/01/2022 là 51 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 25 tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Quản Trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chi tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chi tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Trong đó:

• Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

• Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại thuyết minh số 36.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	60.073.689	76.072.772
Tiền gửi ngân hàng	91.331.124.961	18.366.919.771
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.745.865	1.810.052
Cộng	91.392.944.515	18.444.802.595

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	11.457	335.908.900
- Cổ phiếu	11.457	335.908.900
Của nhà đầu tư	359.120.430	9.503.856.955.400
- Cổ phiếu	359.120.430	9.503.856.955.400
Cộng	359.131.887	9.504.192.864.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chi tiêu	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
+ Cổ phiếu niêm yết	87.538.233.700	9.952.122.365	87.202.324.800	146.575.401.850
KLF	7.772.814.914	707.088.800	7.772.814.914	7.159.274.100
GAB	74.838.000.000	7.922.342.225	74.838.000.000	133.688.000.000
HAI	2.972.658.445	390.073.500	2.972.658.445	2.106.396.900
FLC	1.621.887.743	704.053.000	1.613.047.093	3.608.694.000
Khác	332.872.598	228.564.841	5.804.348	13.036.850
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	209.709.697.500	12.364.217	209.709.697.500	209.709.697.500
FCA	136.600.000.000	-	136.600.000.000	136.600.000.000
FHH	72.999.000.000	-	72.999.000.000	72.999.000.000
ITASCO	110.000.000	12.364.217	110.000.000	110.000.000
Khác	697.500	-	697.500	697.500
Cộng	297.247.931.200	9.964.486.583	296.912.022.300	356.285.099.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)

Tại 30/06/2022

Chi tiêu	Giá mua		Giá trị		Chênh lệch tăng		Chênh lệch đánh giá kỳ này		Chênh lệch		Giá trị đánh giá lại VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Cổ phiếu	297.247.931.200		9.964.486.583		1.182.900		346.657.704.567		59.373.077.050		9.964.486.583
+ Cổ phiếu niêm yết	87.538.233.700		9.952.122.365		1.182.900		136.960.371.285		59.373.077.050		9.952.122.365
- KLF	7.772.814.914		707.088.800		-		6.452.185.300		(613.540.814)		707.088.800
- GAB	74.838.000.000		7.922.342.225		-		125.765.657.775		58.850.000.000		7.922.342.225
- HAI	2.972.658.445		390.073.500		-		1.716.323.400		(866.261.545)		390.073.500
- FLC	1.621.887.743		704.053.000		-		2.913.481.650		1.995.646.907		704.053.000
- Khác	332.872.598		228.564.841		1.182.900		112.723.159		7.232.502		228.564.841
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	209.709.697.500		12.364.217		-		209.697.333.283		-		12.364.217
- FCA (*)	136.600.000.000		-		-		136.600.000.000		-		-
- FHH (*)	72.999.000.000		-		-		72.999.000.000		-		-
- ITASCO	110.000.000		12.364.217		-		97.635.783		-		12.364.217
- Khác	697.500		-		-		697.500		-		-

(*): Khoản đầu tư vào các Công ty là bên liên quan với Công ty (tại thời điểm đầu tư). Do không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị này nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chi tiêu	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (*)	121.601.161.478	121.601.161.478	170.419.321.731	170.419.321.731
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	1.146.644.361	1.146.644.361	10.846.414.048	10.846.414.048
Cộng	122.747.805.839	122.747.805.839	181.265.735.779	181.265.735.779

(*) Bao gồm khoản cho vay margin mã chứng khoán GAB với giá trị 114.411.857.455 đồng. Khoản cho vay mã GAB này đã được trích lập 100% giá trị theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 vào năm tài chính 2022.

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THỂ CHẤP

Chi tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 30/06/2022			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2021	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Giá trị sổ sách	Giá trị hợp lý	Giá trị lập dự phòng		
Cho vay Margin	121.601.161.478	121.601.161.478	-	-	-
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	1.146.644.361	1.146.644.361	-	-	-
Cộng	122.747.805.839	122.747.805.839	-	-	-

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	76.585.475	3.057.648.505
- Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	390.310.848
- Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	76.585.475	2.667.337.657
Trả trước cho người bán	3.304.089.500	3.866.187.700
Trả trước cho người bán khác	3.304.089.500	3.866.187.700
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.317.406.013	29.305.529.105
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	7.321.149	38.670.035
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	265.500.000	301.500.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	166.118.464	86.892.670
Phải thu dịch vụ khác	28.878.466.400	28.878.466.400
Phải thu khác	531.384.754.278	63.982.764.387
HDTG tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	467.155.415.291	-
Phải thu tiền đặt cọc (2)	63.500.000.000	63.500.000.000
Phải thu khác	729.338.987	482.764.387
Cộng	564.082.835.266	100.212.129.697

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOSTầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy,
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ
01/01/2022 đến 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

- (2) Là khoản đặt cọc theo 03 hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực - UNICAP với các đơn vị có liên quan đến các cá nhân bị khởi tố theo vụ án thao túng thị trường chứng khoán mà các cá nhân này đang là đại diện pháp luật (Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng Đô Thành Hà Nội, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển IMR, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Tâm An). Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 vào năm tài chính 2022.

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022			
		Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.018.847.486	-	-	29.018.847.486	29.018.847.486
- Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	-	-	1.985.767.855	1.985.767.855
- Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	-	-	1.802.130.395	1.802.130.395
- Đinh Thị Kim Thủy	1.128.657.078	-	-	1.128.657.078	1.128.657.078
- Mai Đức Nam	2.392.082.423	-	-	2.392.082.423	2.392.082.423
- Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	-	-	3.245.015.924	3.245.015.924
- Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	-	-	1.744.423.468	1.744.423.468
- Nguyễn Trà My	2.444.898.378	-	-	2.444.898.378	2.444.898.378
- Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	-	-	3.167.341.425	3.167.341.425
- Võ Trọng Hiếu	2.791.041.936	-	-	2.791.041.936	2.791.041.936
- Các đối tượng khác	8.317.488.604	-	-	8.317.488.604	8.317.488.604
2. Dự phòng các khoản trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	-	-	90.287.500	90.287.500
3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	530.655.415.291	467.155.415.291	-	467.155.415.291	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển IMR	17.500.000.000	-	-	-	-
- CTCP Vật tư thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	20.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	467.155.415.291	467.155.415.291	-	467.155.415.291	-
Cộng	559.764.550.277	467.155.415.291	-	496.264.550.277	29.109.134.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	457.476.475	574.852.393
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	132.335.863	308.406.225
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	325.140.612	266.446.168
Chi phí trả trước dài hạn	23.052.953	39.718.859
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.052.953	39.718.859
Cộng	480.529.428	614.571.252

13. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	32.025.160.000	32.025.160.000
Đặt cọc thuê văn phòng	316.000.000	316.000.000
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC để mua bất động sản (*)	31.709.160.000	31.709.160.000
Dài hạn	-	-
Cộng	32.025.160.000	32.025.160.000

(*) Là khoản đặt cọc mua căn hộ FLC theo hợp đồng đặt cọc số MB5-1/2021/FLCQN-BĐ/HĐDC ngày 29/12/2021 giữa Công ty Cổ phần CK BOS và Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC về việc BOS đặt cọc để mua biệt thự BT03-11 tại thành phố Quy Nhơn. Ngày 15/09/2023, hai bên đã ký biên bản thanh lý đặt cọc, đồng thời ký hợp đồng mua bán số BT34-04/2023/FLC-LUXCITY/HĐMB về việc chuyển sang mua nhà ở BT34-04 Dự án khu đô thị sinh thái FLC Sầm Sơn tại phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo điều khoản thanh lý hợp đồng đặt cọc, FLC hoàn trả tiền đặt cọc cho BOS và BOS đồng ý dùng khoản thanh toán để thực hiện việc đối trừ nghĩa vụ thanh toán với HĐMB nhà ở số BT34-04/2023/FLC-LUXCITY/HĐMB ngày 15/09/2023. Tại ngày 05 tháng 10 năm 2023, hai bên đã làm thủ tục nghiệm thu, bàn giao nhà ở nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOSTầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy,
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ
01/01/2022 đến 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2022	23.579.737.400	1.434.782.548	25.014.519.948
Tại 30/06/2022	23.579.737.400	1.434.782.548	25.014.519.948
HAO MÒN LUY KẾ			
Tại 01/01/2022	14.833.503.297	1.428.788.255	16.262.291.552
Khấu hao trong kỳ	1.777.828.167	5.994.293	1.783.822.460
Tại 30/06/2022	16.611.331.464	1.434.782.548	18.046.114.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	8.746.234.103	5.994.293	8.752.228.396
Tại 30/06/2022	6.968.405.936	-	6.968.405.936

Tại ngày 30/06/2022, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.588.394.000 VND.

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	12.909.609.913	11.534.034.871
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.145.636.644	4.145.636.644
Cộng	17.175.246.557	15.799.671.515

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
 Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2022	14.475.323.775	2.541.597.300	117.244.000	17.134.165.075
Mua trong kỳ	551.192.400	-	-	551.192.400
Tại 30/06/2022	15.026.516.175	2.541.597.300	117.244.000	17.685.357.475
HAO MÒN LUY KẾ				
Tại 01/01/2022	12.687.619.876	1.621.793.805	91.533.079	14.400.946.760
Khấu hao trong kỳ	823.202.521	72.132.000	10.284.378	905.618.899
Tại 30/06/2022	13.510.822.397	1.693.925.805	101.817.457	15.306.565.659
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2022	1.787.703.899	919.803.495	25.710.921	2.733.218.315
Tại 30/06/2022	1.515.693.778	847.671.495	15.426.543	2.378.791.816

Tại ngày 30/06/2022, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.313.574.495 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh		
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	50.944.675	40.926.843
Cộng	10.050.944.675	10.040.926.843

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	33.804.813	1.246.423.749
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	43.131.184	51.552.556
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	1.035.163.500	1.034.939.300
Phải trả hoa hồng CTV	30.208.825	130.553.672
Cộng	1.142.308.322	2.463.469.277

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 30/06/2022 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	27.500.000	80.190.183	104.962.910	2.727.273
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.226.628.513	-	6.183.188.732	(2.956.560.219)
- Thuế thu nhập cá nhân	693.823.802	2.085.115.153	2.602.950.532	175.988.423
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	3.947.952.315	2.168.305.336	8.894.102.174	(2.777.844.523)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải nộp	3.947.952.315			178.715.696
- Phải thu				2.956.560.219

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải trả khác	276.091.092	276.091.092
Cộng	276.091.092	276.091.092

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN BOS

Tầng 25 tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Vốn khác của	Quỹ dự trữ bổ sung	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu VND	cổ phần VND	chủ sở hữu VND	vốn điều lệ VND	và rủi ro nghiệp vụ VND	thuộc VCSH VND	chưa phân phối VND	VND
01/01/2021	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	1.349.230.439	131.329.524.138	1.124.196.916.219
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	33.890.875.937	33.890.875.937
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	(575.000.001)	-	(575.000.001)
31/12/2021	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	774.230.438	165.220.400.075	1.157.512.792.155
01/01/2022	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	774.230.438	165.220.400.075	1.157.512.792.155
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(799.752.760.576)	(799.752.760.576)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	(517.213.482)	-	(517.213.482)
30/06/2022	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	257.016.956	(634.532.360.501)	357.242.818.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà La Mỹ Phượng	58.399.000.000	6,03%	60.000.000.000	6,19%
Các cổ đông khác	910.826.090.000	93,97%	909.225.090.000	93,81%
Cộng	969.225.090.000	100,00%	969.225.090.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	969.225.090.000	969.225.090.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	969.225.090.000	969.225.090.000

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Tại 30/06/2022 Cổ phiếu	Tại 01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	96.922.509	96.922.509
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.907.490.000	20.249.340.000
Cộng	20.907.490.000	20.249.340.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	81.110.820.000	81.110.000.000
Cộng	81.110.820.000	81.110.000.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	49.050.000.000	49.050.000.000
Cộng	49.050.000.000	49.050.000.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	373.426.330.000	1.345.602.750.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.406.000.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	8.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (*)	947.583.720.000	2.372.770.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.172.000.000	13.858.490.000
Cộng	1.335.588.050.000	1.369.834.010.000

(*) Tại ngày 30/06/2022, trong đó:

- Mã FLC:	811.973.550.000 đồng
- Mã GAB:	85.112.000.000 đồng
- Mã ART:	36.560.000.000 đồng
- Mã ROS:	10.138.490.000 đồng
- Mã AMD:	48.000.000 đồng
- Mã KLF:	21.580.000 đồng
- Mã HAI:	20.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	32.315.290.000	32.282.740.000
Cộng	32.315.290.000	32.282.740.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	1.738.190.000	-
Cộng	1.738.190.000	-

28. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.321.079.161	136.584.859.650
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	6.501.056.803	140.859.348
Cộng	36.822.135.964	136.725.718.998

29. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	36.821.899.102	136.579.413.011
Cộng	36.821.899.102	136.579.413.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	1.014.129	39.598
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	3.455.408.605	7.754.519.614
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	8.560.929.777	16.362.602.066
Cộng	12.017.352.511	24.117.161.278

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6.844.122.703	6.537.270.936
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	381.006.267	294.459.534
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	463.615.240	415.803.216
Cộng	7.688.744.210	7.247.533.686

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	101.420.940	37.874.152
Cộng	101.420.940	37.874.152

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	3.648.930.438	3.389.653.495
Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	44.402.739	-
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	247.477.656	182.751.613
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.153.958.631	1.082.781.594
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.589.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.229.045.673	1.671.969.181
Cộng	6.326.815.137	6.332.745.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(799.752.760.576)	21.304.217.646
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	96.922.509	96.922.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>(8.251)</u>	<u>220</u>

35. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chức danh	VND
Thu nhập Ban lãnh đạo	741.892.000
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc 467.650.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc 274.242.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	361.992.593
Ông Chu Tiến Vượng	Chủ tịch HĐQT 171.214.815
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch HĐQT 115.777.778
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên HĐQT 30.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên HĐQT 15.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên HĐQT 30.000.000
Cộng	<u>1.103.884.593</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bên liên quan khác với Công ty:

TT	Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
2	Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Tâm An	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
3	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Trịnh Văn Quyết	Bên liên quan của thành viên HĐQT
5	CTCP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
6	CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
7	CTCP Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Cho vay margin	150.529.355.850
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	150.529.355.850
Thu nợ cho vay margin	150.529.355.850
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	150.529.355.850
Doanh thu phí lưu ký	205.236.054
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	38.757.414
- Ông Trịnh Văn Quyết	165.500.446
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	978.194
Doanh thu môi giới	269.155.350
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	269.155.350
Thu nhập từ các khoản cho vay	52.292.931
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	52.292.931

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Cho vay hoạt động margin	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	30.000.000.000	-
Phải thu về khoản đặt cọc	26.000.000.000	26.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.198.464	36.895.950
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	9.819.414	36.895.950
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Tâm An	379.050	-
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	31.709.160.000	31.709.160.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	31.709.160.000	31.709.160.000
Giá mua chứng khoán còn nắm giữ	286.058.887.743	286.050.047.093
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	1.621.887.743	1.613.047.093
- CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES	72.999.000.000	72.999.000.000
- CTCP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	136.600.000.000	136.600.000.000
- CTCP Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC	74.838.000.000	74.838.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 30/06/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 634.532.360.501 đồng, hoạt động của Công ty cũng đang hạn chế, các nghĩa vụ tiềm tàng của Công ty chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phán quyết (Xem thêm thuyết minh số 38, 39, 40). Ban lãnh đạo khẳng định rằng, Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ, do đó Báo cáo tài chính kèm theo này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

38. SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG

Tháng 4 năm 2022, một số cá nhân lãnh đạo Công ty đã bị cơ quan điều tra Bộ Công an ra quyết định khởi tố bắt tạm giam để thực hiện điều tra Vụ án thao túng thị trường chứng khoán và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan ("*Vụ án thao túng thị trường chứng khoán*"). Cho đến thời điểm hiện nay, cơ quan Cảnh sát điều tra và các cơ quan tố tụng vẫn đang trong quá trình giải quyết vụ án và chưa có phán quyết cuối cùng. Một số thông tin vụ việc liên quan như sau:

- Ngày 05/04/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với đối với bà Trịnh Thị Thúy Nga - nguyên là Phó Tổng Giám đốc - Thành viên hội đồng quản trị Công ty.
- Ngày 08/04/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố bà Hương Trần Kiều Dung - nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Nguyễn Quỳnh Anh - nguyên Tổng Giám đốc Công ty.
- Ngày 22/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ban hành các Quyết định khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 15 đối tượng. Trong đó có: 5 đối tượng là nhân viên Công ty Chứng khoán BOS gồm Nguyễn Thị Thanh Phương, Bùi Ngọc Tú, Nguyễn Thị Thu Thơm, Quách Thị Xuân Thu, Trần Thị Lan và các cá nhân liên quan khác bao gồm: Trịnh Văn Đại, Nguyễn Văn Mạnh, Trịnh Văn Nam (Nguyên chủ tịch/thành viên Hội đồng quản trị của Công ty), Nguyễn Quang Trung, Nguyễn Thị Hồng Dung, Trịnh Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Nga, Trịnh Tuấn, Đỗ Thị Huyền Trang và Hoàng Thị Huệ.
- Ngày 28/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thông báo kết quả điều tra, xử lý vụ án hình sự về tội "Thao túng thị trường chứng khoán và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ban hành Kết luận điều tra vụ án hình sự số 34/KL-VPCQCSĐT và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- sự số 34/KL-VPCQCSĐT và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ban lãnh đạo Công ty cho rằng: việc khởi tố các cá nhân nêu trên chi liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân trong quá trình thực hiện công việc của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG (TIẾP)

Ngoài ra, trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 có một số khoản mục và giao dịch liên quan đến vụ việc trên, cụ thể như sau:

- ✓ Giá trị Công ty trực tiếp đầu tư vào các mã cổ phiếu bị coi là Vụ việc thao túng chứng khoán (FLC, GAB, ROS, HAI, KLF) tại ngày 30/06/2022 sau khi đã đánh giá lại là khoảng 9,7 tỷ đồng (theo giá gốc là khoảng 87,2 tỷ đồng);
- ✓ Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty đã thực hiện các giao dịch cho vay ký quỹ với các doanh nghiệp mà người đại diện theo pháp luật là đối tượng bị khởi tố và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án với giá trị là khoảng 4.357 tỷ đồng (bao gồm các đối tượng là bên liên quan của Công ty là 121 tỷ đồng; các đối tượng liên quan đến các cá nhân khác bị khởi tố là 4.236 tỷ đồng); Số dư gốc cho vay ký quỹ tại 30/06/2022 là 114,4 tỷ đồng.

39. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Trong kỳ, Doanh thu môi giới, lãi cho vay giao dịch ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán, phí lưu ký liên quan với các doanh nghiệp mà các người đại diện pháp luật là các đối tượng bị khởi tố vụ án và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án khoảng trên 10 tỷ đồng. Trong các kỳ trước, cũng có thể có các khoản doanh thu môi giới, lãi cho vay ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán đến vụ việc nêu trên. Hiện nay, chưa có kết luận chính thức của Cơ quan điều tra nên Công ty chưa có cơ sở để xác định được giai đoạn, thời điểm và giá trị doanh thu liên quan đến vụ việc thao túng chứng khoán nêu trên nên không có cơ sở xử lý. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phán quyết, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các phán quyết có liên quan.

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Tình trạng kiểm soát, hoạt động hạn chế, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh

- Theo Quyết định số 864/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Cổ phiếu ART của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ giao dịch từ ngày 25/08/2023 do vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- Theo Quyết định số 70/QĐ-SGDVN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết, thị trường đăng ký giao dịch và thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-DHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 đã thông qua việc: chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, chấm dứt tự nguyện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ tự nguyện chứng khoán phái sinh tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan; xử lý các vấn đề trong hoạt động tài chính, đầu tư của Công ty theo Tờ trình số 06/2023/TTr-HĐQT-BOS ngày 06/10/2023 của Hội đồng quản trị vào Báo cáo tài chính năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ (TIẾP)

- Theo quyết định số 143/QĐ-VSDC ngày 07/11/2023 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS và chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận thành viên bù trừ số 19/GCNTVBT ngày 18/12/2019 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS.
- Theo quyết định số 113/QĐ-SGDVN ngày 30/11/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam: hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS.

Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán

- Ngày 08/12/2023 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 99/GPĐC-UBCK: Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Lê Thị Trúc Quỳnh. Giấy phép điều chỉnh số 99/GPĐC-UBCK này là bộ phận không tách rời của Giấy pháp thành lập và hoạt động số 85/UBCK-GP cấp ngày 03/03/2008.
- Ngày 21/12/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102669368 thay đổi lần thứ 3 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Lê Thị Trúc Quỳnh.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.



Nguyễn Thị Hạnh
Người lập biểu



Đào Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024